

TRÌNH DUY LUẬN

Công cuộc đổi mới gần 2 thập kỷ qua đã làm thay đổi căn bản diện mạo đổi mới kinh tế – xã hội nước ta. Nhờ kinh tế thị trường đổi mới xã hội Việt Nam – sự phân công lao động đã phát huy hiệu quả của nó để tăng trưởng kinh tế cao và bền vững cùng với việc nâng cao mức sống của hầu hết các tầng lớp dân cư. Bên cạnh đó, kinh tế thị trường cũng làm nảy sinh ra không ít những hạn chế xã hội mà chúng ta đang phải tiếp trung gian quy tụ. Một trong các hạn chế này là sự phân tầng xã hội (PTXH).

Nghiên cứu và vấn đề này cho thấy bức tranh tầng lớp xã hội Việt Nam cũng như các yếu tố có liên quan. Qua đó, góp phần đổi mới xã hội các mục tiêu và chỉ số liên quan đến bình đẳng xã hội. Về khái niệm PTXH, PTXH theo mức sống PTXH là một trong những khái niệm cơ bản của xã hội học. Nó được định nghĩa là: “sự xếp hạng (ranking) một cách bền vững các vị trí trong xã hội xét từ góc độ quy chuẩn, uy tín hoặc các đặc trưng, đặc điểm không ngang nhau”. Trong xã hội PTXH, có các “tầng” (stratum), mỗi tầng là một tập hợp người (cá nhân) giống nhau về địa vị, bao gồm địa vị kinh tế (tài sản, thu nhập), địa vị chính trị (quyền lực) hay địa vị xã hội (nhu cầu), từ đó mà họ có đặc trưng xã hội riêng biệt, sự phong phú và những thay đổi khác nhau trong xã hội. Sự PTXH thường được mô tả dưới dạng các “tháp phân tầng” với những hình dáng khác nhau tùy thuộc vào đặc trưng của các loại xã hội. Về cơ bản, PTXH là một sự phân chia mang tính cấu trúc các tầng lớp, giai tầng xã hội dựa trên những đặc trưng về vị trí kinh tế – xã hội của cá nhân. Vì vậy, khái niệm PTXH phân biệt với các khái niệm gần gũi như: phân hoá giai cấp, phân hoá giàu nghèo, phân công xã hội. Các khái niệm sau này có thể xem như những biến thể, hay là trường hợp riêng của PTXH.

Trong lịch sử, tầng lớp xã hội về các loại xã hội khác nhau, có những hình thức PTXH khác nhau. Một sự phân công gia có thể có sự bất bình đẳng về kinh tế rất cao, song quy chuẩn lại được phân bố một cách dân chủ, bình đẳng hơn. Trong khi đó một sự phân công gia khác, bất bình đẳng về kinh tế có thể không lớn, nhưng quy chuẩn lại bị tập trung cao độ trong tay một nhóm cầm quyền, đặc biệt là tài. Các nhà xã hội học thường dựa vào những ví dụ điển hình như nước Anh trong lịch sử đã là một xã hội giai cấp, dựa trên cơ sở những khác biệt về sự giàu có tài sản. Nước Đức trước đây cũng đã từng được phân tầng theo quy chuẩn. Xã hội Nam Phi trước đây là ví dụ về một xã hội phân tầng theo sự khác biệt về chủng tộc.

Khái niệm PTXH vừa nêu trên, thực chất chỉ là bình diện lý thuyết, ví mô. Để đưa vào phân tích những vấn đề thực tế, một cách thực nghiệm, cần phải tìm ra các phương pháp và các chỉ báo cần thiết để thực hiện việc đo lường này. Nhìn chung, người ta đưa ra những nhận xét, việc đo lường các khác biệt về kinh tế (tài sản và thu nhập) dựa trên những số liệu về 2 lĩnh vực còn lại trong định nghĩa về PTXH. Việc xác định những khác biệt về kinh tế, về những đo lường chính xác các khác biệt về tài sản và thu nhập cũng không dễ dàng, nhất là trong các xã hội đang phát triển. Vì vậy, có thể là hợp lý khi các nhà nghiên cứu tìm kiếm những chỉ báo khác để đo lường các chỉ báo về

thu nhập và mức sống để xem xét số PTXH, tức là chỉ theo các dữ liệu kinh tế. Bởi vì, số liệu rất nhiều thời gian để xử lý các vấn đề phương pháp luận và phương pháp cụ thể như mẫu đo lường để đo lường thì có 3 dữ liệu này để xác định số PTXH thì có thể.

Thời gian qua những công tác ta, trong các tài liệu nghiên cứu và cả trên các phương tiện truyền thông, phương pháp để đo lường thêm một khái niệm có nội hàm hẹp hơn – “phân hoá giàu – nghèo” – đi kèm theo khái niệm PTXH. Điều này là công nhận thì (những đã nói trên) và nó cũng phản ánh một sự thật là hầu hết các nghiên cứu và các kết luận về PTXH những công tác ta gần đây thực chất mới chỉ dừng lại ở sự phân hoá giàu nghèo chứ chưa phải là PTXH với nghĩa chính xác của nó. Chính vì thế, một số nhà nghiên cứu khoa học xã hội đã thận trọng hơn bằng cách sử dụng khái niệm “PTXH theo thu nhập”, “PTXH theo mức sống” thay cho khái niệm PTXH nói chung.

Các chuyên báo để có số liệu trong nghiên cứu về PTXH theo thu nhập và mức sống

Với phương pháp tiếp cận nói trên, các nghiên cứu về PTXH vừa qua đã có những số liệu đáng kể nhưng hầu hết chuyên báo khá linh hoạt và đa dạng để đo lường và phân loại các nhóm, tầng xã hội theo thu nhập và mức sống. Trong cuộc nghiên cứu về những biến đổi xã hội trong thời kỳ Đổi mới tại Hà Nội vào năm 1992 (lần đầu tiên, khái niệm PTXH để có số liệu), các tác giả đã đưa xuất ý tưởng sử dụng khái niệm PTXH theo mức sống, gồm 4 chuyên báo “khách quan” và 1 chuyên báo “chủ quan” để xét sự phân tầng các hộ gia đình theo mức sống:

Điều kiện nhà ở, bao gồm các yếu tố: số hộ, diện tích và loại nhà, khu phố, vị trí, hoạt động của tổ chức nâng cấp trong 5 năm qua, chất lượng nhà và đánh giá.

Tiền nghi trong nhà, bao gồm 12 loại tiền nghi chủ yếu, đa số mới xuất hiện trong đời sống của các gia đình trong 5 năm vừa qua. Ví dụ: tivi màu, xe máy, đầu Video, máy giặt, máy điều hoà nhiệt độ ...

Chỉ tiêu, bao gồm các yếu tố: thói quen dùng năng lượng đun nấu, tiền điện hàng tháng, thói quen ăn sáng, ăn trưa, chi cho việc học của con cái, các chỉ tiêu cho nhu cầu văn hoá...

Thu nhập, bao gồm các yếu tố: nguồn thu nhập, mức độ ổn định, bất ổn định của thu nhập, tình trạng thu nhập và thu nhập bình quân trong gia đình (theo kê khai của chủ hộ).

Chuyên báo chủ quan, bao gồm 2 loại đánh giá: tự đánh giá của chủ hộ về mức sống của gia đình

hi^ện nay trên thang đo 5 b^oc; đánh giá c^oa đi^u tra viên qua ph^ong v^on và quan sát cũng trên thang đo 5 b^oc trên c^os các nh^om xét v^o nhà ^ở, ti^ến nghi, gia phong, gia c^onh, trang trí n^oi th^ot, phong cách tr^o l^oi... ho^oc m^ot ph^on thông tin thu th^op đ^oc t^o bên ngoài (t^o cán b^o t^o dân ph^o, ph^ong, hàng xóm...).

M^ot công trình nghiên c^ứu khác c^oa Vi^ện Xã h^oi h^oc thu^oc Ch^ong trình Nghiên c^ứu khoa h^oc c^op nhà n^oc (KX.04) cũng đã t^op trung cho ch^o đ^o PTXH đ^oc th^oc hi^ện trong 3 năm 1992-1994. Trong công trình này, các tác gi^o ch^o s^o đ^ong khái ni^ệm PTXH, không nói c^o th^o là PTXH theo m^oc s^ong. Tuy nhiên, xem xét h^o bi^ện s^o đ^oc s^o đ^ong khi thu th^op thông tin cũng nh^o khi phân tích k^ot qu^o thì v^o th^oc ch^ot là nghiên c^ứu PTXH theo thu nh^op và m^oc s^ong. Có th^o đ^on ra c^o th^o h^on các bi^ện s^o đ^o g^om:

Hai bi^ện s^o ph^o thu^oc: 1) S^o tích t^o v^ot ch^ot c^oa các t^ong l^op khác nhau. Th^oc ch^ot v^on bám sát m^oc thu nh^op bình quân c^oa cá nhân và h^o gia đình, đ^oc phân nhóm theo chính các m^oc thu nh^op này ho^oc chia theo “ngũ v^o phân” 20% t^o đ^oi lên. Bi^ện s^o thu nh^op đ^oc tính toán trên c^os h^o gia đình và cá nhân kê khai trong tháng v^oi các kho^on m^oc chính là: l^ong và các kho^on ph^o c^op c^oa ngh^o chính, thu nh^op do làm thêm có liên quan đ^on ngh^o chính, các lo^oi l^oi su^ot (n^ou có), nh^ong kho^on thu nh^op khác; 2) S^o đ^ou t^o và tiêu dùng văn hoá c^oa các t^ong l^op khác nhau. Các ch^o báo đ^oc s^o đ^ong g^om: vi^oc đ^ou t^o cho h^oc hành c^oa con cái (k^o c^o vi^oc tìm tr^ong t^ot, l^op t^ot, h^oc thêm), đ^ou t^o th^oi gian chăm sóc vi^oc h^oc c^oa con, mua s^om các lo^oi sách báo, ph^ong ti^ến nghe nhìn cho gia đình.

Sáu bi^ện s^o đ^oc l^op: 1) Truy^on th^ong gia đình (ngu^on g^oc xu^ot thân c^oa ch^ong, v^o); 2) Trình đ^o h^oc v^on và chuyên môn có đ^oc qua các th^oi k^o; 3) Ngh^o nghi^op và s^o th^ong ti^ến trong ngh^o có liên quan đ^on quy^on l^oc có th^o có; 4) Tính tích c^oc chính tr^o; 5) Môi tr^ong và v^o trí c^oa ch^o hi^ện nay; 6) Tu^oi c^oa ngu^oi đ^oc h^oi.

Nh^o v^oy, các nghiên c^ứu xã h^oi h^oc nh^ong năm v^oa qua đã hình thành nên nhi^ệu ngu^on s^o li^u v^o th^oc tr^ong PTXH ở n^oc ta hi^ện nay. Song v^o c^o b^on, nghiên c^ứu và đo l^ong s^o PTXH ở ta th^oi gian qua m^oi th^oc hi^ện ở m^ot góc đ^o quy gi^on. V^oi thang đo 5 nhóm m^oc s^ong đ^o ph^on ánh s^o phân hoá giàu – nghèo ở các đ^oa ph^ong, các vùng, hay trong các nhóm xã h^oi ngh^o nghi^op. Các ch^o báo này nhi^ệu khi đ^oc phân tích và rút ra k^ot lu^on nh^o là s^o PTXH. Nhi^ệu nghiên c^ứu xã h^oi h^oc sau đó l^oi th^ong s^o đ^ong ch^o báo này nh^o m^ot bi^ện s^o đ^oc l^op đ^o phân tích và gi^oi thích các bi^ện s^o ph^o thu^oc khác. S^o PTXH theo quy^on l^oc và uy tín h^ou nh^o không đ^oc đ^o c^op đ^on. Thêm vào đó, các công trình nghiên c^ứu còn không th^ong nh^ot v^o chu^on đ^oc s^o đ^ong đ^o phân h^ong và tên g^oi c^oa các nhóm. Vì th^o, r^ot khó so sánh c^o theo không gian l^on

th^o so sánh. Song n^ou đ^ong tái hi^{en}, th^o phân t^hng th^oi k^o bao c^op s^o còn ph^onh r^ong h^on ở m^oc s^ong trung bình và h^op h^on ở c^o 2 phía đ^onh và đ^oy th^op, ph^on ánh m^ot th^oi k^o đ^onh hình v^oi m^oc s^ong đ^onh l^ong bình quân theo tem phi^ou.

PTXH cũng đ^ong nghi^{en} c^ou theo h^ong khác là x^o lý và phân tích k^ot qu^o c^oa các cu^oc đ^ou tra m^oc s^ong dân c^o và h^o gia đ^onh đ^ong rút ra các k^ot lu^on v^o th^oc tr^ong và xu h^ong phân hoá giàu nghèo (PTXH theo thu nh^op h^oc m^oc s^ong). Nh^ong phân tích đ^ong đây s^o minh h^oa cho h^ong nghi^{en} c^ou này trên c^o s^o s^o li^ou c^oa các cu^oc đ^ou tra m^oc s^ong dân c^o toàn qu^oc năm 1993, năm 1998 và cu^oc đ^ou tra h^o gia đ^onh đa m^oc tiêu 1994-1997.

Trong th^op k^o 90 c^oa th^o k^o tr^oc, m^oc s^ong c^oa đ^oi đa s^o dân c^o n^oc ta đã tăng lên đáng k^o. Tuy nhiên, s^o chênh l^och v^o m^oc s^ong cũng ngày càng tăng, t^o nên m^ot s^o PTXH rõ nét h^on gi^oa và trong các nhóm xã h^oi. Ch^ong h^on, chênh l^och v^o chi tiêu gi^oa nhóm 20% giàu nh^ot và nhóm 20% nghèo nh^ot là kho^ong 5,52 l^on vào năm 1998 và 4,58 l^on vào năm 1993. Còn chênh l^och theo thu nh^op thì cao h^on. Năm 1998, chênh l^och v^o thu nh^op gi^oa nhóm 20% giàu nh^ot và nhóm 20% nghèo nh^ot là 11,26 l^on, gi^oa nhóm 10% giàu nh^ot và nhóm 10% nghèo nh^ot là h^on 20 l^on, còn gi^oa nhóm 5% giàu nh^ot và nhóm 5% nghèo nh^ot là h^on 40 l^on.

S^o phân t^hng theo m^oc s^ong hi^{en} nay cũng có liên quan v^oi s^o nhân kh^ou và t^o l^o ph^o thu^oc c^oa h^o gia đ^onh (t^o l^o ng^ong ngoài đ^o tu^oi lao đ^ong so v^oi ng^ong trong đ^o tu^oi lao đ^ong). T^o l^o này c^oa 20% h^o nghèo nh^ot là 1,13, cao g^op đôi so v^oi nhóm 20% h^o giàu nh^ot (0,54).

Ng^ong có h^oc v^on càng cao, càng có nhi^ou kh^o năng thu^oc vào nhóm có m^oc s^ong cao. Trong nh^ong ch^o h^o có h^oc v^on đ^oi h^oc, cao đ^ong tr^o lên thì 70% thu^oc nhóm 20% giàu nh^ot, ch^o có 1,5% thu^oc nhóm 20% nghèo nh^ot. Chi tiêu c^oa h^o có ch^o h^o h^oc v^on đ^oi h^oc, cao đ^ong tr^o lên cao g^op 2,33 l^on (năm 1993) và 3,4 l^on (năm 1998) so v^oi h^o có ch^o h^o ch^oa bao gi^o đ^on tr^ong.

Phân t^hng m^oc s^ong cũng g^on li^on v^oi s^o khác bi^ot theo khu v^oc và vùng kinh t^o – xã h^oi. 97% dân s^o trong đ^o tu^oi lao đ^ong thu^oc nhóm 20% nghèo nh^ot là ở nông thôn và 65% dân s^o trong đ^o tu^oi lao đ^ong thu^oc nhóm 20% giàu nh^ot là ở đô th^o. S^o chênh l^och m^oc s^ong gi^oa thành th^o và nông thôn đóng góp ph^on ch^o y^ou (t^oi 96%) vào m^oc đ^o phân t^hng m^oc s^ong nói chung trên quy mô toàn qu^oc. Ph^on l^on dân s^o trong đ^o tu^oi lao đ^ong thu^oc nhóm 20% giàu nh^ot s^ong ở các vùng: Đông Nam B^o (37%), Đ^ong b^ong sông H^ong (21%) và Đ^ong b^ong sông C^ou Long (18%), trong khi ở vùng núi phía B^oc ch^o có g^on 7% và ở B^oc Trung B^o là 6%.

Phân t^hng m^oc s^ong cũng liên quan rõ r^ot theo các khu v^oc kinh t^o. Ph^on l^on ng^ong làm vi^oc

trong khu vực kinh tế nhà nước có mức sống thu nhập nhóm 20% giàu nhất, họ rơi vào 2 nhóm trên cùng (75-80%). Tình hình cũng tương tự như vậy ở nhóm làm việc trong doanh nghiệp nước ngoài. Chỉ có 1/3 lao động trong doanh nghiệp tư nhân và gần 1/5 lao động trong hệ thống xuất khẩu kinh doanh nhỏ, thu nhập vào nhóm 20% giàu nhất. Khoảng 40% những người lao động thu nhập thấp tác xã, doanh nghiệp tư nhân và hệ thống xuất khẩu kinh doanh nhỏ thu nhập vào nhóm có mức sống dưới trung bình. 3/4 người thu nhập nhóm 20% nghèo nhất là lao động trong hệ thống xuất khẩu kinh doanh nhỏ, trong khi 60% người thu nhập nhóm 20% giàu nhất làm việc trong 3 khu vực của Nhà nước (kinh tế, hành chính – xã hội, chính trị – xã hội). Như vậy, người có khả năng sống có mức sống cao hơn nếu sống ở khu vực nhà nước, khu vực chính quy (chính quyền, doanh nghiệp có đăng ký) và khu vực đầu tư nước ngoài. Ngược lại, mức sống thấp hơn thì người sống ở ngoài kinh doanh nhỏ, hợp tác xã.

PTXH cũng có biểu hiện trong lĩnh vực phúc lợi xã hội. Trình độ phúc lợi xã hội là công cụ mà nhà nước dùng để giám sát những chênh lệch quá lớn, báo động công bằng xã hội. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay, những trình độ này còn chiếm tỷ trọng rất thấp trong tổng thu nhập của dân số (khoảng 4,4%). Dân số Việt Nam chủ yếu có thu nhập từ lao động cá nhân và gia đình; thu nhập do phân phối lại, mang tính xã hội còn thấp. Trong việc phân phối phúc lợi xã hội, chiếm tỷ trọng cao nhất là chi cho bảo hiểm xã hội, bao gồm chi hưu trí và mất sức lao động (82,4%), tiếp theo là chi cho bảo trợ xã hội (16,0%), chi cho xóa đói giảm nghèo (1,1%). Tổng quan lại phúc lợi xã hội và PTXH cho thấy, hiện nay chủ yếu là nhóm có mức sống “trung bình” và “trên trung bình” được hưởng phúc lợi cao hơn các nhóm khác.

Qua phân tích ở trên, nhìn chung, hiện trạng PTXH ở nước ta khá đáng lo ngại cho thời kỳ đầu chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường. Mức chênh lệch giữa các tầng lớp khá lớn, tốc độ tăng chênh lệch khá cao. Tuy nhiên, có một số điểm đáng chú ý là: các tầng lớp trung lưu và trung lưu trên thị trường sống ở khu vực nhà nước, khu vực kinh tế chính quy. Hai nhóm này cũng được hưởng lợi nhiều hơn từ việc phân phối phúc lợi xã hội so với các nhóm còn lại.

Kết luận

Thức chất cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu về PTXH ở Việt Nam trong thời gian qua mới chỉ là nghiên cứu về sự phân hóa giàu nghèo, khoảng cách giữa các nhóm theo chỉ báo kinh tế, thu nhập, mức sống. Các cuộc điều tra điển hình trong số này đã được tiến hành để mô tả và xác định thực trạng và đặc trưng của vấn đề. Tuy nhiên, để tiếp cận và phân tích có cơ sở khoa học về những vấn đề PTXH theo đúng nghĩa của nó thì cần dựa trên nhiều thông tin và chỉ báo khác nhau, cũng như cần có thêm những cách tiếp cận thích hợp hơn. Nó ít nhiều sẽ mang tính lý thuyết và ví mô hình.

Đương nhiên, các cuộc điều tra, nghiên cứu quy mô lớn và điển hình về sự phân hóa giàu nghèo, tổng quan mức sống giữa các tầng lớp dân số cần được tiến hành thường xuyên là rất cần

thi thoảng có cái nhìn thoáng vờ xu hướng biến đổi bất bình đẳng xã hội. Mặt khác, cũng cần có các hướng tiếp cận mới, với những ngành khoa học xã hội để tìm hiểu sâu hơn về thái độ của các nhóm, tầng xã hội đáng chú ý trong giai đoạn hiện nay. Ví dụ, giai tầng, nhóm xã hội nào đang là động lực của sự phát triển hoặc đang có triển vọng trở thành một lực lượng như vậy? Đã hình thành một tầng lớp trung lưu mới của xã hội Việt Nam chưa? Nếu có, thì ai là những thành viên và xu hướng biến đổi, phát triển của nó như thế nào? Đóng góp của tầng lớp đó cho sự phát triển của đất nước trong tương lai sẽ ra sao?... Cần phân tích một số nhóm, giai tầng xã hội mới, đáng chú ý như giới doanh nhân, giới trí thức, đặc biệt là trí thức khoa học công nghệ; công nhân kỹ thuật tay nghề cao; giới quản lý và đội ngũ công chức. Đặc biệt, cần chú ý xu hướng biến đổi của các nhóm này dưới tác động của các nhân tố mới trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong thập niên đầu của thế kỷ XXI.

Việc khai thác tri thức nguồn dữ liệu thống kê kinh tế – xã hội, các cuộc điều tra dân số, điều tra mức sống dân cư, kết hợp với các nghiên cứu chuyên môn, định tính và phân tích xã hội học sẽ là hướng có triển vọng để hiểu và nắm bắt được bản chất của sự PTXH ở nước ta hiện nay. Đó không chỉ là hướng nghiên cứu thích hợp với một xã hội mà còn là hướng nghiên cứu kinh tế – chính trị và cấu trúc xã hội và về mô hình xã hội tương thích của đất nước trong giai đoạn mới.

Sau cùng, theo kinh nghiệm của Trung Quốc, các nhà xã hội học cũng đã phát triển một số hướng phân tích và kết cấu giai tầng của xã hội Trung Quốc hiện nay. Theo Giáo sư Lưu Húc Nghê, nghiên cứu này vận dụng hướng tiếp cận mới, đặc biệt là “giai tầng luân”, thay thế cho quan điểm giai cấp công nhân và trí thức (trong XHCN chỉ còn 2 giai cấp là công nhân, nông dân và 1 tầng lớp trí thức XHCN). Quan điểm giai tầng là phù hợp với thực tế xã hội thực tiễn cách, khai phóng, mới mẻ. Cũng theo tác giả quan điểm này, xã hội Trung Quốc đang đổi mới có 10 tầng lớp xã hội được phân tầng theo 3 tiêu chí cơ bản là: nguồn lực chi trả (chính trị), nguồn lực kinh tế và nguồn lực văn hoá. Sự phân hoá thành giàu – nghèo, tầng lớp có lợi thế – tầng lớp yếu thế, đều căn cứ vào việc họ không có, hoặc có 1, 2, hay cả 3 nguồn lực này với các mức độ khác nhau. Đây cũng là một cách tiếp cận mới, sáng tạo, đáng tham khảo.

Tài liệu tham khảo

Caroline Hodges Persell: Social Stratification, Class and Poverty. in: Understanding society. An Introduction to sociology. Happer and Row Publisher. N.Y. 1987.

Viện Xã hội học: Nghiên cứu biến đổi xã hội trong thời kỳ đổi mới (Báo cáo tổng kết đề tài khảo sát thực trạng kinh tế – xã hội 4 quần thể thành Hà Nội, tháng 5.1992).

Tổng cục Lai: Khảo sát xã hội học và PTXH. Sách tham khảo nội bộ. Nhà Khoa học xã hội. Hà Nội, 1995.

Trần Duy Luân (chủ biên): Phát triển xã hội ở Việt Nam: Một tổng quan xã hội học năm 2000. Nhà Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.

Lưu Học Nghị (chủ biên): Báo cáo nghiên cứu giai đoạn xã hội Trung Quốc đổi mới. Nhà Văn Hóa KHXH, Bắc Kinh, 2002, tr.9.

SOURCE: TẠP CHÍ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC -